

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC



TIÊU LUẬN TRIẾT HỌC

ĐỀ TÀI:

**LỊCH SỬ TRIẾT HỌC CỔ HY LẠP LÀ LỊCH SỬ ĐẤU
TRANH GIỮA ĐƯỜNG LỐI ĐÊMÔCRÍT VÀ ĐƯỜNG
LỐI PLATÔNG**

GVHD: Tiến sĩ Bùi Văn Mưa
Học viên thực hiện: Võ Thị Bích Duyên
Lớp: CHKT đêm 1- Khoá 19

Thành phố Hồ Chí Minh năm 2010

LỜI MỞ ĐẦU

Ph.Ăngghen nhận xét: “Không có chế độ nô lệ thì không có quốc gia Hy Lạp, không có nghệ thuật và khoa học Hy Lạp, không có chế độ nô lệ thì không có đế quốc La Mã. Mà không có cái cơ sở là nền văn minh Hy Lạp và đế quốc La Mã thì không có Châu Âu hiện đại được”.

Hy Lạp là một trong những cái nôi của nền văn minh nhân loại thời cổ đại, là thời kì phát triển rực rỡ của xã hội loài người. Hy Lạp cổ đại không chỉ là một trung tâm kinh tế - xã hội mà còn là một trung tâm văn hoá. Nền văn minh của người Hy Lạp cổ đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến ngôn ngữ, chính trị, hệ thống giáo dục, khoa học, nghệ thuật, và kiến trúc của thế giới cận đại, thúc đẩy phong trào Phục Hưng tại Tây Âu cũng như làm sống lại các phong trào tân Cổ điển tại châu Âu và châu Mỹ. Thời kì cổ đại ở đây đã tích trữ được một khối lượng tri thức khổng lồ trên nhiều lĩnh vực: toán học, vật lý, thiên văn học, thủy văn... đặc biệt không thể không nhắc tới chính là triết học. Triết học Hy Lạp cổ đại ra đời và tồn tại trong nền văn minh Hy Lạp cổ đại với tư cách là sản phẩm cao nhất, là hạt nhân, là tinh hoa của nền văn minh Hy Lạp

Triết học thời kì này được đánh giá là rất phát triển, với những cái tên hết sức nổi tiếng : Ac-si-mét, Ta-let, Hê-ra-clít, Đê-mô-crít, Pla-tông, A-ri-x-tô-t. Chính các đại biểu này đã tạo lên một nền triết học phát triển rực rỡ mà ngày nay chúng ta đã được thừa hưởng. Biểu hiện rõ nhất trong thời kỳ phát triển triết học Hy Lạp cổ đại là sự đấu tranh giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm đại biểu cho hai trường phái này là sự đấu tranh giữa đường lối Đê-mô-crít và đường lối Pla-tông.

MỤC LỤC



Trang

Phần I: KHÁI QUÁT VỀ TRIẾT HỌC HY LẠP CỔ ĐẠI

1.1. Hoàn cảnh ra đời và các đặc điểm cơ bản	1
1.1.1. Hoàn cảnh ra đời và phát triển	1
1.1.2. Những đặc điểm cơ bản	3
1.2. Các trường phái triết học Hy Lạp cổ đại	3
1.2.1. Chủ nghĩa duy vật	3
1.2.1.1. Trường phái Milê	3
1.2.1.2. Trường phái Héraclite	4
1.2.1.3. Trường phái đa nguyên	5
1.2.1.4. Trường phái nguyên tử luận	6
1.2.2. Chủ nghĩa duy tâm	6
1.2.2.1. Trường phái Pythagore	6
1.2.2.2. Trường phái Êlê	7
1.2.2.3. Trường phái duy tâm khách quan	8
1.2.3. Chủ nghĩa nhị nguyên	9

Phần II: QUÁ TRÌNH ĐẤU TRANH XUNG ĐỘT GIỮA ĐƯỜNG LỐI DUY VẬT ĐÊMÔCRÍT VÀ ĐƯỜNG LỐI DUY TÂM PLATÔNG

2.2. Tiểu sử và các quan điểm của Đê-môcrít và Plátông	10
2.2.1. Đê-môcrít (460-370 TCN)	10
2.2.1.1. Thuyết nguyên tử	10
2.2.1.2. Lý luận về nhận thức	11
2.2.1.3. Quan điểm về con người	12

2.2.1.4. Quan điểm về đạo đức xã hội.....	13
2.2.2. Platông (427-437 TCN)	14
2.2.2.1. Thuyết ý niệm	14
2.2.2.2. Quan điểm về nhận thức	15
2.2.2.3. Quan điểm về chính trị xã hội.....	16
2.3. So sánh các tư tưởng đối lập của Đêmocrit và Platông	17
2.4. Nhận xét	19

Phần III: MỘT SỐ THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ CỦA TRIẾT HỌC HY LẠP CỔ ĐẠI

3.1. Những thành tựu của triết học Hy Lạp cổ đại.....	22
3.2. Những hạn chế	23

Phần I: KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ TRIẾT HỌC

HY LẠP CỔ ĐẠI

1.1 Hoàn cảnh ra đời và các đặc điểm cơ bản của triết học Hy Lạp cổ đại

1.1.1. Hoàn cảnh ra đời và phát triển

Hy Lạp cổ đại là một quốc gia có khí hậu ôn hòa và rộng lớn bao gồm miền Nam bán đảo Balcăng, miền ven biển phía Tây Tiểu Á và nhiều hòn đảo ở biển Êgiê. Vùng bờ biển ở phía đông bán đảo Balcăng khúc khuỷu tạo nên nhiều vịnh, hải cảng thuận lợi cho ngành hàng hải phát triển. Trong khi đó, biển Êgiê giống như một cái hồ lớn, êm ả, sóng yên, gió nhẹ tạo thuận lợi cho nghề đi biển buôn bán giữa Hy Lạp với các nước Tiểu Á và Bắc Phi. Còn vùng ven biển Tiểu Á là một vùng giàu có và là chiếc cầu nối liền Hy Lạp với các nước phương Đông cổ đại. Với điều kiện tự nhiên thuận lợi nên Hy Lạp cổ đại sớm trở thành một quốc gia chiếm hữu nô lệ có nền công thương nghiệp phát triển, một nền văn hoá tinh thần phong phú đa dạng.

Lịch sử Hy Lạp cổ đại trải qua 4 thời kỳ

- Thời kỳ Cờét-Myxen (đầu thiên niên kỷ thứ III - thế kỷ XII TCN)
- Thời kỳ Hôme (thế kỷ XI _ IX TCN): Đây là thời kỳ Hy Lạp cổ đại bước vào xã hội chiếm hữu nô lệ với sự xuất hiện nhanh chóng khẳng định chế độ sở hữu tư nhân kéo theo sự phân hoá giàu nghèo, sự ra đời và xung đột giai cấp diễn ra mạnh mẽ
- Thời kỳ thành bang (thế kỷ VIII – VI TCN): Đây là thời kỳ quan trọng nhất trong lịch sử Hy Lạp cổ đại. Xã hội bị phân hoá thành hai giai cấp xung đột nhau là chủ nô và nô lệ. Lao động bị phân hoá thành lao động chân tay và lao động trí óc. Đất nước bị phân chia thành nhiều nước nhỏ, mỗi nước lấy một thành phố trung tâm, trong đó Xpát (Sparte) và Aten là hai thành bang hùng mạnh nhất, làm nòng cốt cho lịch sử Hy Lạp cổ đại. Thành bang Aten nằm ở vùng đồng bằng thuộc Trung bộ Hy Lạp, có điều kiện địa lý thuận lợi nên đã trở thành một trung tâm kinh tế, văn hóa

của Hy Lạp cổ đại, và là cái nôi của triết học Châu Âu. Tương ứng với sự phát triển kinh tế, văn hóa là thiết chế nhà nước chủ nô dân chủ Aten. Thành Sparte nằm ở vùng bình nguyên, đất đai rất thích hợp với sự phát triển nông nghiệp. Chủ nô quý tộc thực hiện theo lối cha truyền con nối. Chính vì thế Sparte đã xây dựng một thiết chế nhà nước quân chủ, thực hiện sự áp bức rất tàn khốc đối với nô lệ. Do sự tranh giành quyền bá chủ Hy Lạp, nên hai thành phố trên tiến hành cuộc chiến tranh khốc liệt kéo dài hàng chục năm và cuối cùng dẫn đến sự thất bại của thành Aten. Cuộc chiến tàn khốc đã lưu lại sự suy yếu nghiêm trọng về kinh tế, chính trị và quân sự của đất nước Hy Lạp. Chiến tranh, nghèo đói đã nảy sinh các cuộc nổi dậy của tầng lớp nô lệ. Nhưng lại thất bại vì họ xuất phát từ nhiều bộ lạc khác nhau, không có ngôn ngữ chung, không có quyền hạn, không được tham gia vào các hoạt động xã hội, chính trị.

➤ Thời kỳ Maxêđôn: Năm 337 TCN, nhờ giành chiến thắng quyết định mà vua Philip II của xứ Maxêđôn triệu tập hội nghị toàn Hy Lạp thông qua quyết định giao cho Maxêđôn quyền chỉ huy quân đội toàn Hy Lạp để tấn công Ba Tư. Năm 336 TCN, Philip II mất, con là Alexandre lên ngôi, đã chinh phục cả một vùng Ba Tư rộng lớn, Tây Ấn Độ, Bắc Phi và lập nên đế quốc Maxêđôn đóng đô ở Babylon. Năm 323 TCN, Maxêđôn chết đột ngột, các tướng lĩnh đánh nhau để chia giành quyền lực. Sang thế kỷ III TCN đế quốc này chia thành 3 nước lớn (Maxêđôn-Hy Lạp, Ai Cập và Xini). Chế độ chiếm hữu nô lệ ở Hy Lạp cổ đại kéo dài cho đến thế kỷ thứ IV TCN. Trong thời kỳ này, người Hy Lạp đã xây dựng một nền văn minh vô cùng xán lạn với nhiều thành tựu rực rỡ thuộc các lĩnh vực khác nhau. Chúng là cơ sở hình thành nên nền văn minh phương Tây hiện đại. Vì vậy Ăngghen nhận xét “Không có cơ sở văn minh Hy Lạp và đế quốc La Mã thì cũng không có châu Âu hiện đại được”

1.1.2. Những đặc điểm cơ bản:

Triết học Hy Lạp cổ đại được coi là đỉnh cao của nền văn minh cổ đại, và là một trong những điểm xuất phát của lịch sử triết học thế giới

➤ Triết học Hy Lạp cổ đại thể hiện thế giới quan, ý thức hệ và phương pháp luận của giai cấp chủ nô thống trị.

➤ Triết học Hy Lạp cổ đại có sự phân chia và đối lập rõ ràng giữa các trào lưu, trường phái duy vật duy tâm, biện chứng-siêu hình, vô thần-hữu thần. Trong đó điển hình là cuộc đấu tranh giữa trào lưu duy vật của Đêmocrit và trào lưu duy tâm của Platông...

➤ Triết học Hy Lạp cổ đại gắn bó mật thiết với khoa học tự nhiên để tổng hợp mọi hiểu biết về các lĩnh vực khác nhau nhằm xây dựng bức tranh về thế giới như một hình ảnh chỉnh thể thống nhất mọi sự vật hiện tượng xảy ra trong nó

➤ Triết học Hy Lạp cổ đại đã xây dựng nên phép biện chứng chất phác: các nhà triết học Hy Lạp cổ đại nghiên cứu phép biện chứng để nâng cao nghệ thuật hùng biện, để bảo vệ quan điểm triết học của mình, để tìm ra chân lý.

➤ Triết học Hy Lạp cổ đại coi trọng vấn đề con người, đã đưa ra nhiều quan điểm khác nhau về con người, cố lí giải vấn đề quan hệ linh hồn thể xác, về đời sống – chính trị - xã hội của họ.

1.2. Các trường phái triết học Hy Lạp cổ đại

1.2.1. Chủ nghĩa duy vật

Chủ nghĩa duy vật được hình thành từ trường phái Milê - trường phái Hêraclít, trường phái Đa nguyên và đạt được đỉnh cao như trong trường phái Nguyên tử luận.

1.2.1.1. Trường phái Milê

Trường phái duy vật và biện chứng tự phát đầu tiên trong triết học Hy Lạp cổ đại, thế kỷ VI TCN. Milê (Milet) là một đô thị ven biển vùng cận đông là trung tâm thương mại, hàng hải lớn, điều này tạo điều kiện mở rộng tầm nhìn của con người,

kích thích sự phát triển khoa học và văn hoá. Những nhà triết học Milê: là Talet (Thales), Anaximăngđrơ (Anaximandre), Anaximen (Anaximene) không tin vào thần thoại truyền thống (coi các thần linh là nguyên nhân tạo ra thế giới), cho rằng bản chất duy nhất, bản nguyên vật chất của thế giới là một vật thể xác định (Talet cho là nước, Anaximen cho là không khí có thể biến thành nước, đất đá hay lửa, Anaximăngđrơ cho là apeiron là cái vô hình, vô thủy vô chung, vĩnh viễn vận động, tự tách ra những mặt đối lập đấu tranh với nhau (nóng và lạnh), kết hợp lại hoặc phân rã ra tạo thành thế giới muôn hình vạn trạng. Những quan niệm triết học của trường phái Milê tuy còn mộc mạc thô sơ nhưng có ý nghĩa vô thần chống lại thế giới quan thần thoại đương thời và chứa đựng những yếu tố biện chứng chất phác

1.2.1.2. Trường phái Hêraclít : (530-470 TCN)

Hêraclít sinh ra và lớn lên trong một gia đình quý tộc chủ nô ở thành phố Ephetdơ. Ông sớm trở thành một nhà triết học duy vật thể hiện rõ các tư tưởng biện chứng chất phát từ thời cổ Hy Lạp. Ông coi bản nguyên của thế giới là lửa, vạn vật đều từ lửa mà ra, rồi sau đó mất đi để quay về với lửa. Vũ trụ không phải do Thượng Đế hay một lực lượng siêu nhiên nào đó tạo ra, mà nó “*đã*”, “*đang*” và “*sẽ*” mãi mãi là ngọn lửa vĩnh hằng không ngừng bùng cháy và lụi tàn. Tàn lụi và bùng cháy theo cái *logos* tức là “*quy luật, trật tự*” nội tại của chính mình. Ông xem thế giới “*vừa tồn tại vừa không tồn tại*”, “*không ai tắm hai lần trong một dòng sông*”. Thế giới vật chất “*vừa đa dạng vừa thống nhất, vừa mang tính hài hòa vừa xung đột*”, bao gồm các sự vật hiện tượng những trạng thái quá độ của lửa, chứa đựng trong mình các mặt đối lập, mọi vật đối lập đều phải thông qua đấu tranh, “*đấu tranh*” là cha đẻ của tất cả. Đồng thời ông cũng cho rằng, nhận thức thế giới là phát hiện ra cái lôgôt, tức cái quy luật, trật tự của vũ trụ, phát hiện ra tính hài hoà và xung đột của các mặt đối lập tồn tại trong các sự vật hiện tượng đa dạng trong thế giới. Dù quá trình nhận thức bắt đầu từ cảm tính, nhưng cảm tính không đủ để khám phá bí ẩn của tự nhiên, vì

vậy muốn nhận thức thấu suốt tự nhiên phải sử dụng tư duy, lý tính. Tuy nhiên, chân lý mang tính tương đối vì còn phụ thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh,...

Như vậy, Hêraclít là nhà triết học đã nêu lên các phỏng đoán thiên tài về quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập, mà sau này Marx đã đề cập và đi sâu. Phép biện chứng duy vật phát là đóng góp của triết học Hêraclít vào kho tàng tư tưởng của nhân loại.

1.2.1.3. Trường phái đa nguyên

Để giải thích tính đa dạng của vạn vật trong thế giới theo tinh thần duy vật Empedocles (490 – 430 TCN) và Anaxagore (500 – 428 TCN) cổ vượt qua quan niệm đơn nguyên sự khai minh của các trường phái như Milê- trường phái Hêraclít xây dựng quan niệm đa nguyên về bản chất của thế giới vật chất đa dạng. Empêdocl thừa nhận khởi nguyên của thế giới là bốn yếu tố : đất, nước, lửa và không khí chúng chịu tác động của hai loại lực tình yêu và hận thù. Dưới tác dụng lực tình yêu, đất, nước không khí, lửa kết hợp lại tạo nên vạn vật; nhưng dưới tác dụng của lực hận thù chúng bị chia tách ra làm vạn vật mất đi. Empêdocl cho rằng, vũ trụ luôn vận động và trải qua 4 giai đoạn: *Giai đoạn 1*, tình yêu chiến thắng và ngự ở tâm vũ trụ, hận thù bị thất bại và bị đẩy ra ngoài biên, vũ trụ như một quả cầu duy nhất, đồng nhất, thống nhất không phân chia. *Giai đoạn 2*, hận thù tiến dần vào tâm vũ trụ, tình yêu bị đẩy ra khỏi tâm, vũ trụ-quả cầu duy nhất, đồng nhất, thống nhất bắt đầu phân hoá. *Giai đoạn 3*, hận thù chiến thắng và ngự trị ở tâm vũ trụ, tình yêu thất bại, bị đẩy ra ngoài biên, vũ trụ hoàn toàn bị phân hoá ra thành 4 yếu tố đất, nước, không khí, lửa; *Giai đoạn 4*, tình yêu tiến dần vào tâm vũ trụ, hận thù bị đẩy ra khỏi tâm, dưới sự tác động của tình yêu và hận thù 4 yếu tố đất, nước, không khí, lửa kết hợp lại với nhau tạo nên sự vật, hay tách ra khỏi nhau làm sự vật mất đi. Trong khi đó Anaxago nhà triết học đầu tiên ở Aten không cho rằng, vạn vật là sự kết hợp của đất, nước, không khí và lửa; mà ông cho rằng vạn vật được sinh ra từ những cái tương tự

như chúng, và ông gọi cái đó là “*hạt giống*”, “*mầm nào sẽ sinh ra giống nấy*”, “*mỗi cái chứa mọi cái*”

Tuy nhiên, quan điểm của họ cũng còn mang tính sơ khai, nghĩa là còn hạn chế. Những hạn chế này được thuyết phục bởi thuyết nguyên tử luận. Nhưng thuyết này vẫn còn sơ khai và nhận định bằng cảm tính.

1.2.1.4. Trường phái nguyên tử luận

Trường phái này là đỉnh cao của triết học duy vật Hy Lạp cổ đại được thể hiện trong trường phái nguyên tử luận thế kỷ V – III TCN với các đại biểu Loxíp, Đêmoócýt, Êpicua (Leucippe, Démocrite và Epicure). Trong đó Loxíp là người đầu tiên nêu lên các quan niệm về nguyên tử, và Đêmoócýt là người kế thừa và phát triển còn Êpicua là người củng cố và bảo vệ thuyết nguyên tử vào thời La Mã hoá.

Leucippe (500 – 440 TCN), ông cho rằng, mọi sự vật được cấu thành từ những nguyên tử. Đó là những hạt vật chất tuyệt đối không thể phân chia được, nó vô hạn về số lượng và vô hạn về hình thức, nó vô cùng nhỏ bé, không thể thẩm thấu được. Tư tưởng của ông không được hiểu một cách đầy đủ, nhưng ông đã để lại qua những trang viết của các học trò ông tổng hợp. Đêmoócýt (460 – 370 TCN) là học trò của Leucippe đã kế thừa và phát triển thuyết nguyên tử luận trên một phương diện mới. Theo ông vũ trụ được cấu thành bởi hai thực thể đầu tiên là ***nguyên tử*** và ***chân không***. Hai thực thể này là căn nguyên của các sự vật hiện tượng.

1.2.2. Chủ nghĩa duy tâm

Giai đoạn Hy Lạp cổ đại, chủ nghĩa duy tâm được hình thành trong trường phái triết học Pythagore, trải qua trường phái duy lý Êlê và đạt được đỉnh cao trong trường phái duy tâm khách quan của Platông, tức thể giới ý niệm.

1.2.2.1. Trường phái Pythagore

Pytago (Pythagore, 571 – 497 TCN) là nhà triết học, toán học uyên bác. Sinh ra và lớn lên trên đảo Samos thuộc vùng Tiểu Á. Do ảnh hưởng của toán học ông cho rằng “con số” là bản nguyên của thế giới, là bản chất của vạn vật. Một vật tương